HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63 /NQ-HĐND	*Châu Thành, ngày 15 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022;

Xét Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2022 cho các Phòng, ban, ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn số tiền: 3.572.616.730 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn bảy trăm ba mươi đồng).*

(*Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết*)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022./.

***Nơi nhận*:**
- TT. HĐND;
- TT. HU, TT. HĐND huyện;
- UBMTTQVN, UBND huyện;
- ĐB HĐND huyện;
- TT. HĐND, UBND xã, thị trấn;
- Phòng TC-KH, KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH T. TRÀ VINH

Huỳnh Công Lập

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NĂM 2022

(Đính kèm Nghị quyết số: 63../NQ-HĐND ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành)

ĐVT: đồng

Số TT	Tên xã	Dự toán giao đầu năm	Đã thực hiện 06 tháng	Số còn lại chưa sử dụng	Nhu cầu điều chỉnh		Nguồn Kinh phí		Ghi chú
					Giảm	Tăng	Không tự chủ	Tự chủ	
A	B	1	2	3	4	5=6+7	6	7	
	Tổng cộng (1+..+4)	**14.307.896.000**	**2.273.565.991**	**12.034.330.009**	**3.572.616.730**	**3.572.616.730**	**3.103.429.872**	**469.186.858**	
1	Huyện ủy Châu Thành (Cơ quan Tổ chức - Nội vụ)	**5.317.492.000**	**2.153.565.991**	**3.163.926.009**	**2.431.018.730**			**0**	Kết thúc thí điểm mô hình Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện Châu Thành theo QĐ số 1118-QĐ/HU ngày 20/6/2022 Huyện ủy Châu Thành
2	Phòng Nội vụ huyện Châu Thành			**0**		**2.431.018.730**	**1.999.235.872**	**431.782.858**	
3	Phòng Giáo Dục và Đào tạo huyện (Nguồn đào tạo)	**8.953.000.000**	**120.000.000**	**8.833.000.000**	**1.104.194.000**				
4	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (đào tạo nghề lao động nông thôn)			**0**		100.000.000	100.000.000		BS tăng cho phòng Nông nghiệp thực hiện kế hoạch đào tạo nghề lao động nông thôn theo Công văn số 3919/UBND-NN ngày 29/6/2022 huyện Châu Thành
5	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện			**0**		231.000.000	231.000.000		
6	Thị trấn Châu Thành					55.188.000	55.188.000		
7	Xã Mỹ Chánh					52.380.000	52.380.000		
8	Xã Đa Lộc					60.804.000	60.804.000		
9	Xã Thanh Mỹ					44.580.000	44.580.000		
10	Xã Lương Hòa A					52.942.000	52.942.000		
11	Xã Lương Hòa					54.564.000	54.564.000		

Số TT	Tên xã	Dự toán giao đầu năm	Đã thực hiện 06 tháng	Số còn lại chưa sử dụng	Nhu cầu điều chỉnh		Nguồn Kinh phí		Ghi chú
					Giảm	Tăng	Không tự chủ	Tự chủ	
A	B	1	2	3	4	5=6+7	6	7	
12	Xã Nguyệt Hóa					49.260.000	49.260.000		Kinh phí mở lớp cập nhật kiến thức cho cán bộ đảng viên cơ sở đối tượng 5
13	Xã Song Lộc					57.840.000	57.840.000		
14	Xã Hòa Thuận					57.216.000	57.216.000		
15	Xã Hòa Lợi					62.520.000	62.520.000		
16	Xã Phước Hảo					54.252.000	54.252.000		
17	Xã Hưng Mỹ					54.252.000	54.252.000		
18	Xã Hòa Minh					62.052.000	62.052.000		
19	Xã Long Hòa					55.344.000	55.344.000		
20	Văn phòng Huyện Ủy Châu Thành (Thực hiện KH số 26/KH-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh)	37.404.000	0	37.404.000	37.404.000				
21	Văn phòng HĐND - UBHD huyện Châu Thành (Thực hiện KH số 26/KH-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh)					37.404.000		37.404.000	